

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/DS-ST
Ngày: 22 - 4 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Gia An - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Âu Hoàng Mên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 02 và ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2023/TLST-DS, ngày 24 tháng 5 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Thông báo về việc tiếp tục mở lại phiên tòa số 06/TB-TA ngày 25 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Ngọc H, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Trần Việt H1, sinh năm 1966.
Địa chỉ: L đường C khu Dân cư M, khóm A, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Ong Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: số nhà A ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Bùi Tuyết X, sinh năm 1962; địa chỉ: Khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người làm chứng*:

+ Anh Thạch Hoàng B, sinh năm 1997; địa chỉ: số nhà A ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

+ Chị Thạch Thị D, sinh năm 1995; địa chỉ: số nhà A ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2023 của nguyên đơn bà Bùi Ngọc H, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Trước đây, bà Bùi Ngọc H có chuyên nhượng quyền sử dụng đất cho bà Ong Thị L một thửa đất và nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất, tọa lạc tại khóm H, phường K với giá hai bên thỏa thuận là 1.350.000.000 đồng. Khi đó, bà L đã thanh toán cho bà H trước số tiền 900.000.000 đồng. Số tiền bà L còn nợ tiền mua nhà, đất đối với bà H là 450.000.000 đồng. Lúc đó vào khoảng tháng 10 hay tháng 11/2017, bà L có nhờ bà H hỏi mượn tiền của người khác để cho bà L mượn lại 100.000.000 đồng, việc mượn tiền không có làm biên nhận. Bà L hứa sau khi mượn số tiền trên là khoảng trong hai mươi ngày trở lại sẽ trả cho bà H. Vì bà L cho rằng tôm sù của bà L cũng đã lớn gần thu hoạch. Đến tháng 12/2017 thì bà L hỏi bà H mượn thêm số tiền 60.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền của 02 lần mượn là 160.000.000 đồng. Việc bà H cho bà L mượn đối với 02 số tiền nêu trên thì bà H không có tính lãi đối với bà L.

Tuy nhiên, đến đầu tháng 01/2018 do thủ tục làm giấy tờ của bà L không thực hiện được, bà L không thanh toán tiền cho bà H nên vào ngày 02/01/2018 bà H soạn sẵn tờ giấy nhận nợ để thông qua cho bà L nghe và bà L có xác nhận còn nợ số tiền trên đối với bà H, giấy nhận nợ trên có Trưởng ban nhân dân ấp là ông Trần Văn K ký xác nhận.

Bà L trực tiếp đến nhà của bà H mượn số tiền 100.000.000 đồng và sau đó mượn thêm 60.000.000 đồng, mục đích mượn để xoay sở trong việc làm ăn và buôn bán thức ăn tôm, chứ bà H không giới thiệu chị ruột của bà H là bà Bùi Tuyết X cho bà L vay tiền như bà L trình bày. Lúc đó, bà H thấy bà L là chỗ chị em quen biết nên bà H đồng ý cho bà L mượn 02 lần với tổng số tiền 160.000.000 đồng, bà L hứa 03 tháng sau sẽ trả lại số tiền đã mượn nhưng khi đến hạn thì bà L hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả nên bà H yêu cầu bà L làm giấy biên nhận nợ.

Bà L cho rằng bà L là người trực tiếp nhận tiền của bà X và có đóng tiền lãi cho bà H, sau đó có đóng lãi cho bà X là hoàn toàn không đúng. Đối với chữ viết có ghi biên nhận tiền lãi và gốc từng đợt trên tờ giấy lịch mà bà L cung cấp cho Tòa án, bà H khẳng định đó không phải là chữ viết của bà X. Hiện nay, bà X đã đi khỏi địa phương, không rõ địa chỉ cụ thể hiện nay của bà X ở đâu. Nếu bà L cho rằng bà L mượn tiền trực tiếp của bà X và đã thanh toán xong cho bà X thì đó là việc vay mượn tiền giữa bà L với bà X. Ngoài ra, khi bà L ký tên xác nhận có vay tiền của bà H thì có Thạch Hoàng B và Thạch Thị D là con của bà L có ký tên chứng kiến xác nhận.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ong Thị L phải thanh toán cho bà Hằng số tiền vay là 160.000.000 đồng, bà H không yêu cầu bà L trả tiền lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Ong Thị L trình bày:

Trước đây vào thời điểm nào bà không nhớ rõ, do thiếu tiền trả tiền đặt cọc mua nhà, đất của bà H, nên bà có gặp bà H để nhờ hỏi vay dùm bà số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó, bà H có giới thiệu chị ruột của bà H là bà Bùi Tuyết X. Địa chỉ: Khóm H, phường K, thị xã V cho bà vay số tiền 100.000.000 đồng, bà X là người trực tiếp đưa số tiền 100.000.000 đồng cho bà. Lúc đầu, bà đóng lãi cho bà H, cứ 10 ngày đóng 1 lần, 1 lần đóng 1.000.000 đồng, tổng số tiền cụ thể bao nhiêu do lâu quá nên bà không nhớ. Sau đó, bà X nói với bà là đóng tiền lãi trực tiếp cho bà X, không đóng lãi cho bà H nữa vì đóng lãi cho bà H thì bà H không đưa tiền lại cho bà X, cho nên sau này bà đóng lãi trực tiếp cho bà X. Đến ngày 02/01/2018 bà có ký tên trong Giấy nhận nợ mà bà H có đưa cho bà để xác nhận và có trưởng ban là ông Trần Văn K ký tên.

Tính đến thời điểm hiện tại, bà đã trả nợ gốc cho bà X 50.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng thì bà X lấy thức ăn để trừ vô tiền vay, đến nay số tiền cụ thể còn nợ lại bao nhiêu đối với bà X thì bà không nhớ rõ. Bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H. Đối với số tiền lãi mà bà đã đóng cho bà H và đóng cho bà X thì bà yêu cầu Tòa án xem xét căn trừ vào số tiền gốc cho bà. Theo như trong giấy nhận nợ đề ngày 02/01/2018 có ghi ở đoạn cuối là: “nếu bà thực hiện không đúng lời cam kết thì bà Bùi Ngọc H có quyền không giao nhà cho bà” là không đúng.

Đúng là trước đây bà có nhờ bà H giới thiệu bà X để cho bà mượn số tiền 100.000.000 đồng, sau đó bà không có tiền trả nên bà bà H mới cộng lãi là 60.000.000 đồng rồi bà H mới yêu cầu bà xác nhận số tiền là 160.000.000 đồng, chứ thực chất tiền gốc chỉ có 100.000.000 đồng. Khi bà thanh toán tiền cho bà X thì bà X có ghi tờ lịch và bà có gửi cho Tòa án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/4/2024 đối với anh Thạch Hoàng B (con của bà Ong Thị L), anh B trình bày:

Anh là con trai của bà Ong Thị L. Việc bà L là mẹ của anh có mượn tiền của bà H hay không thì anh không có biết, anh chỉ biết hiện nay bà L còn thiếu bà H tiền mua nhà, đất số tiền 450.000.000 đồng. Giấy nhận nợ ngày 02/01/2028 có thể hiện chữ ký và chữ viết tên Thạch Hoàng B, nội dung: Anh là con có chứng kiến mẹ tôi có thiếu tiền dì H đúng là chữ ký, chữ viết của anh... Nội dung trong giấy nhận nợ ngày 02/01/2018 là do bà H tự ghi, đánh máy sau đó bà H đến nhà anh để kêu bà L ký vô tờ giấy nhận nợ, sau khi bà L ký xong, bà H kêu anh và chị gái của anh tên Thạch Thị D ký xác nhận người làm chứng, anh không đọc lại nội dung trong tờ giấy ghi gì. Sau khi các bên ký xong bà H mới cầm giấy nhận nợ đi xác nhận của địa phương, còn tại thời điểm các bên ký thì không có xác nhận của địa phương.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2024 đối với chị Thạch Thị D (con của bà Ong Thị L), chị D trình bày:

Chị là con của bà Ong Thị L. Còn đối với bà H thì chị không có bà con gì. Chị chỉ biết bà H khi mẹ của chị là bà L mua đất của bà H. Theo như tờ “Giấy nhận nợ” đề ngày 02/01/2018 do bà Ong Thị L đứng tên và phía sau trang 2 của tờ giấy nhận nợ trên có ghi đoạn chữ: tôi là con có chứng kiến mẹ tôi có nợ tiền của dì hằng và có ký tên và đứng tên Thạch Thị D, đó là chữ viết và chữ ký của chị, do mẹ của chị có mua đất của bà H còn thiếu tiền mua đất nên mẹ của chị kêu chị ghi và ký tên, chị ký tên với ý nghĩa là mẹ của chị còn thiếu tiền mua đất, còn mẹ của chị có vay tiền của bà H hay không thì chị không biết. Lúc chị ký tên vào tờ “giấy nhận nợ” nêu trên thì chị không có xem lại nội dung. Với lý do: Mẹ của chị đưa cho chị ký là còn thiếu tiền mua đất của bà H. Lúc đó, có chị với mẹ chị, nhưng có mặt bà H, Thạch Hoàng B hay không thì lâu quá chị không nhớ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Tuyết X đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; đối với người làm chứng: Anh Thạch Hoàng B, chị Thạch Thị D sau khi tạm ngừng phiên tòa, Tòa án có tiến hành ghi lời khai và đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, việc bà X, anh B và chị D vắng mặt không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Ngọc H về việc yêu cầu bị đơn bà Ong Thị L trả số tiền vay 160.000.000 đồng.

Việc bà L yêu cầu xem xét lại việc bà đã trả tiền lãi cho bà H, bà X vượt quá quy định để trừ vào số tiền vay là chưa có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Ngày 26/02/2024, Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh người làm chứng và thu thập thêm tài liệu, chứng cứ theo lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 259 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Tuyết X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người làm chứng: Anh Thạch Hoàng B, chị Thạch Thị D sau khi tạm ngừng phiên tòa, Tòa án có tiến hành ghi lời khai và đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, việc bà X, anh B và chị D vắng mặt không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Trước đây, bà H có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Ong Thị L một thửa đất và nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất, tọa lạc tại khóm H, phường K với giá là 1.350.000.000 đồng, bà L đã thanh toán cho bà H trước số tiền 900.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 450.000.000 đồng. Lúc đó, thời điểm khoảng tháng 10 hay tháng 11/2017, bà

L có nhờ bà H hỏi mượn tiền của người khác để cho bà L mượn lại 100.000.000 đồng đầu tư nuôi tôm, nhưng hai bên không có làm biên nhận. Bà L hứa khoảng hai mươi ngày trở lại sẽ trả cho bà H. Đến tháng 12/2017 thì bà L hỏi bà H mượn thêm số tiền 60.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền của 02 lần mượn là 160.000.000 đồng. Việc bà H cho bà L mượn đối với 02 khoản tiền nêu trên thì bà H không có tính lãi đối với bà L. Do thủ tục làm giấy tờ của bà L không thực hiện được và bà L cũng không thanh toán tiền cho bà H, nên vào ngày 02/01/2018 bà H soạn sẵn tờ giấy nhận nợ để thông qua cho bà L nghe và bà L có xác nhận còn nợ số tiền trên đối với bà H, giấy nhận nợ trên có Trưởng ban nhân dân ấp là ông Trần Văn K ký xác nhận, có Thạch Hoàng B và Thạch Thị D là các con của bà L ký tên chứng kiến.

[4.2] Ngược lại, theo lời trình bày của bị đơn bà Ong Thị L cho rằng: Trước đây vào thời điểm nào bà không nhớ rõ, do thiếu tiền trả đặt cọc mua nhà đất đối với bà H, nên bà nhờ bà H giới thiệu bà Bùi Tuyết X (chị của bà H) cho bà vay số tiền 100.000.000 đồng. Bà X là người trực tiếp đưa số tiền 100.000.000 đồng cho bà. Lúc đầu, bà đóng lãi cho bà H, cứ 10 ngày đóng 1 lần, 1 lần đóng 1.000.000 đồng, tổng số tiền cụ thể bao nhiêu do lâu quá nên bà không nhớ. Sau đó, bà X nói với bà là đóng tiền lãi trực tiếp cho bà X, không đóng lãi cho bà H nữa vì đóng lãi cho bà H thì bà H không đưa tiền lại cho bà X, cho nên sau này bà đóng lãi trực tiếp cho bà X. Tính đến thời điểm hiện tại, bà đã trả nợ gốc cho bà X 50.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng thì bà X lấy thức ăn để trừ vô tiền vay, đến nay số tiền cụ thể còn nợ lại bao nhiêu đối với bà X thì bà không nhớ rõ. Bà vay tiền của bà X chứ không có vay của tiền của bà H.

[4.3] Tuy nhiên, tại tờ “GIẤY NHẬN NỢ” (bút lục số 104) đề ngày 02/01/2018 do Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (đã sao y bản chính) cung cấp có nội dung sau: “Tôi tên: Ong Thị L, sinh năm 1960....làm giấy này để xác nhận khoản tiền tôi đang nợ của bà Bùi Ngọc H với nội dung như sau: Nguyên vừa qua tôi có nhận chuyển nhượng của bà Bùi Ngọc H, khóm H một thửa đất và nhà ở gắn liền với đất tọa lạc tại khóm H, phường K với giá là 1.350.000.000 đồngtôi đã thanh toán cho bà H trước số tiền 900.000.000 đồng như vậy số tiền tôi còn nợ tiền mua nhà, đất bà Bùi Ngọc H tính đến thời điểm tôi làm giấy này là 450.000.000 đồng và tôi có nhờ bà H mượn dùm tôi số tiền 160.000.000 đồng để trả tiền nhà, như vậy tôi còn thiếu bà Bùi Ngọc H tổng cộng tiền mua nhà, đất và tiền mượn dùm là 610.000.000 đồng”. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Bị đơn bà L thừa nhận có ký tên vào tờ giấy nhận nợ nêu trên và thừa nhận chữ ký tên L nằm phía trên dòng chữ Ong Thị L đúng là chữ ký của bà.

[4.4] Tại biên bản hòa giải ngày 07/11/2023 (trang 2 của bút lục số 34), thì bà L có trình bày: “.... Đến ngày 02/01/2018 bà có ký tên trong Giấy nhận nợ mà bà H có đưa cho tôi để xác nhận và có trưởng ban là ông Trần Văn K ký tên....”.

[4.5] Mặt khác:

[4.5.1] Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/4/2024 (bút lục số 103) đối với anh Thạch Hoàng B (anh B là con của bà Ong Thị L), thì anh B thừa nhận chữ ký tên B, dòng chữ Thạch Hoàng B và dòng chữ: Tôi là con có chứng kiến mẹ tôi có thiếu tiền đi ba H phía dưới dòng chữ “Người làm chứng trong tờ “GIẤY NHẬN NỢ” đề ngày 02/01/2018 đó là chữ ký và chữ viết của anh.

[4.5.2] Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/4/2024 (bút lục số 102) đối với chị Thạch Thị D (chị D là con của bà Ong Thị L), thì chị D thừa nhận chữ ký tên D, dòng chữ Thạch Thị D và dòng chữ: Tôi là con có chứng kiến mẹ tôi có nợ tiền của dì H tại trang 2 trong tờ “GIẤY NHẬN NỢ” đề ngày 02/01/2018 đó là chữ ký và chữ viết của chị.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Ong Thị L cho rằng: Bà vay tiền của bà Bùi Tuyết X với số tiền là 100.000.000 đồng. Sau đó bà không có tiền trả nên bà H mới cộng lãi là 60.000.000 đồng rồi bà H mới yêu cầu bà xác nhận số tiền là 160.000.000 đồng, chứ thực chất tiền gốc chỉ có 100.000.000 đồng. Việc bà L nêu ra vấn đề trên phía nguyên đơn bà H không thừa nhận, ngoài lời nói ra thì bà L không có giấy tờ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ong Thị L cho rằng: Đối với số tiền lãi mà bà đã đóng cho bà H và đóng cho bà X nhiều nhưng bà không biết cụ thể bao nhiêu. Đồng thời, bà L yêu cầu Tòa án xem xét căn trừ vào số tiền gốc cho bà. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn cho rằng: Số tiền 160.000.000 đồng là bà H cho bà L mượn làm 02 đợt (lần một là khoảng tháng 10 hay tháng 11/2018 mượn 100.000.000 đồng và lần 02 là mượn vào tháng 12/2017 với số tiền là 60.000.000 đồng), bà H không thừa nhận là có tính tiền lãi và nhận tiền lãi đối với bà L. Do đó, việc bà L nêu ra vấn đề này mà không có giấy tờ gì chứng minh, nên Hội đồng không có cơ sở để xem xét.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L cho rằng: Bà vay của bà Bùi Tuyết X số tiền 100.000.000 đồng và bà X có ghi số tiền vay vào tờ giấy lịch, có ghi ngày trả tiền. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà X nhưng địa phương cung cấp bà X không có mặt tại địa phương. Đồng thời, địa phương cũng không biết bà X đang ở đâu. Mặt khác, trong tờ giấy lịch mà bà L cung cấp cho Tòa án nêu trên chỉ thể hiện là các con số của một số ngày và ngày tháng, không thể hiện ai vay tiền của ai, không thể hiện ai trả tiền và cũng không thể hiện tờ giấy trên là do ai ghi. Việc bà L cho rằng bà X đã ghi vào tờ lịch trên và đưa cho bà: Hội đồng xét xử xét thấy rằng đó chỉ là lời nói từ một phía của bà L. Do đó, việc bà L có vay tiền của bà X hay không và sau này hai bên có tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

[8] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số [3], [4], [5], [6] và [7], Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nguyên đơn bà Bùi Ngọc H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Ong Thị L trả số tiền vay 160.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đồng thời, cần buộc bị đơn bà Ong Thị L thanh toán số tiền nêu trên cho bà H là đúng với quy định của pháp luật.

[9] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Bùi Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bà Ong Thị L phải trả lãi suất cho bà H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[10] Lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn bà Ong Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi (có đơn xin miễn án phí) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Ngọc H, về việc yêu cầu bị đơn bà Ong Thị L thanh toán cho bà H số tiền vay là 160.000.000 đồng.

Buộc bị đơn bà Ong Thị L thanh toán số tiền vay cho nguyên đơn bà Bùi Ngọc H 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Bùi Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bà Ong Thị L phải trả lãi cho bà H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Bùi Ngọc H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và không đặt ra xem xét tiền tạm ứng án phí đầu vào do có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí (thuộc trường hợp người cao tuổi).

- Bị đơn bà Ong Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Đua

